TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 559/2018/HC-PT Ngày: 20 - 12 - 2018 V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 308/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC- ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1789/2018/QĐ- PT ngày 30 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1952 (có mặt); Địa chỉ: ấp C, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm:1957, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2016 (có mặt)

Địa chỉ: 4.12H Chung cư 2H đường Đ, Phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N1 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 12 đường T1, Khu phố 2, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Q- Phó chủ tịch UBND thị xã G, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 02/UQ-UBND ngày 04/4/2018(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện: Ông Phạm Xuân B1– Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã G.(có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Công S, sinh năm: 1944. (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2016 và bản tự khai của người khởi kiện Lê Văn N trình bày:

Hộ gia đình ông đang sử dụng đất tại ấp C, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Hộ gia đình ông đã chấp hành xong Quyết định thu hồi đất số 109/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 871B của UBND thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18/7/2016 gia đình ông có liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã G để giải quyết phần đất còn lại chưa có quyết định thu hồi, thì được biết đã có Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 về việc thu hồi đất để thực hiện công trình để dự án đầu tư công trình Đường 871B và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Công S để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 871B. UBND thị xã G ban hành 02 quyết định trên là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Ủy ban nhân dân thị xã G dựa vào Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công S và Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 về việc giải quyết đơn yêu cầu bồi thường thêm diện tích đất của ông Trần Công S. Đây là quyết định cá biệt đối với ông Trần Công S. UBND thị xã G đã dựa vào sự hoán đổi ruộng giữa ông và ông Trần Công S, nhưng việc hoán đổi chưa hoàn tất và đến nay việc tranh chấp giữa ông và ông Trần Công S chưa giải quyết xong. Do đó ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-

UBND ngày 02/4/2015 về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Công S; tiến hành các bước thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Tại công văn số 3235 ngày 01/11/2016 người bị khởi kiện Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Ông Lê Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ- UBND ngày 02/4/2015 về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Công S vì ông N cho rằng phần đất Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi và bồi thường cho ông Trần Công S là đất gốc của ông N hoán đổi cho ông S trước đây.

Việc Ông Lê Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 216/QĐ- UBND ngày 02/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã G ban hành là không có cơ sở. Nội dung vụ việc trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công S và Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 về việc giải quyết đơn yêu cầu bồi thường thêm diện tích đất của ông Trần Công S, ông N và ông S đã khởi kiện vụ án tại TAND thị xã G và TAND thị xã G có Quyết định số 27/2016/DSST ngày 23/3/2016 về đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 20/2016/TLST-DS ngày 23/02/2016 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông S và ông N.

Do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Công S trình bày:

Năm 1991 ông và ông N có hoán đổi đất, hai bên có thỏa thuận, sau khi UBND thị xã G giải quyết xong thì ông có đăng ký sổ đỏ, ông và ông N hoán đổi hết phần đất, ông có chừa lại cho bà S1 một nền nhà diện tích 42m^2 đất, sau khi nhận tiền bồi thường ông cũng giao tiền bồi thường nền nhà diện tích 42m^2 của bà S1 cho ông Nghiệp. Việc hoán đổi đất có tờ cam kết đổi ruộng, có biên bản nhận tiền. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn N.

Tại Bản án hành chính số 09/2017/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Không chấp nhận khởi kiện của Ông Lê Văn N, yêu cầu hủy hai Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền

kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/7/2017, Ông Lê Văn N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc Ủy ban nhân dân thị xã G tiến hành các thủ tục thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn N và đại diện theo ủy quyền của ông Nvẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm: (Bút lục 236, 237) Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông N là thiếu căn cứ vì diện tích đất còn tranh chấp giữa ông N và ông S. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc Ủy ban nhân dân thị xã G tiến hành các thủ tục thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông N theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Ông N trình bày: Ông trốn nợ nên ông S đã tự ý ký lãnh tiền đền bù, 02-03 năm sau ông về, ông nói với ông S phần liên quan 42 m^2 đất, ông S nhận đền bù phần 42 m^2 đất là không đúng.

Ông H trình bày: Ông N làm công cho ông S. Ông S đòi tiền, ông N đã trả nên không có việc hoán đổi đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày quan điểm: Quyền sử dụng đất của ông S tại thời điểm thu hồi đất và giải quyết bồi thường. Tờ cam kết đổi ruộng của ông N và ông S có thực hiện. Ông S có xây dựng chuồng heo. Ủy ban không cấp giấy chứng nhận cho ông S do đất nằm trong hành lang cống Sư Kỷ. Khi bồi thường Quốc lộ 50, ông S có trả cho ông N số tiền của 42 m^2 đất, việc này thể hiện hai bên có thỏa thuận hoán đổi đất và thực hiện trong thực tế. Ông N không có đơn tranh chấp với ông S và không có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã G. Ông S đứng ra tranh chấp và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công S và Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 về việc giải quyết đơn yêu cầu bồi thường thêm diện tích đất của ông Trần Công S. Ủy ban nhân dân thị xã G tiến hành bồi thường cho ông S là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Thỏa thuận dân sự giữa ông N và ông S hoán đổi đất là có, đất được bồi thường hai lần khi thực hiện Quốc lộ 50 và Quốc lộ 871B, việc hoán đổi đất có giấy tờ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của Ông Lê Văn N:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Phần đất liên quan đến việc khởi kiện có nguồn gốc của ông N. Năm 1991, ông N và ông Trần Công S hoán đổi đất, được Ban quản lý ấp xác nhận, được Ủy ban nhân dân xã T chấp thuận vào ngày 26/11/1991. ông S nhận 1000m^2 đất lá và thổ cư tại mặt cống ấp Xã Lới của ông N và ông N nhận 1000m^2 đất ruộng 02 vụ của ông S, để lại cho bà S1(mẹ của ông N) 01 nền nhà, diện tích 42m^2. Hai bên đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. Ông N đã chuyển nhượng đất cho ông C1 và ông H1. Ông C1, ông H1 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S cũng đã giao tiền 42m^2 cho ông N(Bút lục 179, 186). Quyết định số 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang được ban hành đúng quy định pháp luật. Bản án hành chính sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Ông Lê Văn N kháng cáo nhưng các chứng cứ mới nộp không làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang

là Quyết định hành chính quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Ngày 18/7/2016, ông N biết được 02 quyết định trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, ngày 19/7/2016 ông làm đơn khiếu nại yêu cầu UBND thị xã G yêu cầu hủy 02 quyết định này nhưng UBND thị xã G không giải quyết.

Ngày 23/9/2016 Ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang là còn thời hiệu khởi kiện tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32, khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn N đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc Ủy ban nhân dân thị xã G tiến hành các thủ tục thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định số 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Quyết định số 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang thu hồi 591,7 m2 đất gồm 42 m2 đất ở nông thôn và 549,7 m2 đất trồng cây lâu năm khác của ông Trần Công S, thuộc thửa đất số 146 và 149, tờ bản đồ số 3, tại ấp C, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang để thực hiện công trình dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 871B (Bút lục số 10) và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Công S với số tiền 834.224.500 đồng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 871B. Thời gian chi trả tiền ngày 24/4/2015 (Bút lục số 8).

[2.2.2] Biên bản về việc giao tiền bồi thường đất Quốc lộ 50 giữa hộ Ông Lê Văn N và hộ Trần Công S tại Cống Sư Kỷ, Ấp Xã Lới, xã T ngày 19/3/2012

thì ông N có nhận tiền đất bồi thường 42 m2 x 819.000 đồng = 34.398.000 đồng của ông Trần Công S (Bút lục 40).

[2.2.3] Trích lục hồ sơ đất đai ngày 28/3/2016 (Bút lục số 09) của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cung cấp đã thể hiện: Theo sổ đăng ký ruộng đất ngày 08/6/1983 và sổ mục kê ruộng đất năm 1983 của hồ sơ 299 đất ruộng do Lê Thị S1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Xã Lới, xã T, huyện G Đông (nay thị xã G), tỉnh Tiền Giang, thửa 2189, tờ bản đồ số 01 diện tích 576 m2; thửa 2190, tờ bản đồ số 01 diện tích 990 m2.

[2.2.4] Biên bản về việc xác định chi phí bồi thường do giải tỏa để thực hiện dự án công trình Đường tỉnh 871B (Bút lục số 50) tổng số tiền bồi thường 834.224.500 đồng trong đó đất là 581.040.000 đồng (đất trồng 549,7 m2 là 494.730.000 đồng, đất ở 42 m2 là 86.310.000 đồng); hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm 239.119.500 đồng; cây trái hoa màu là 14.065.000 đồng. Ngày 16/9/2016 ông S đã nhận số tiền bồi thường là 834.224.500 đồng (Bút lục 47,48)

[2.2.5] Nguồn gốc đất của gia đình Ông Lê Văn N. Năm 1991, ông N và ông Trần Công S hoán đổi đất, được Ban quản lý ấp xác nhận, được Ủy ban nhân dân xã T chấp thuận vào ngày 26/11/1991. Sau khi làm tờ giao kết, ông S nhận 1000m^2 đất lá và thổ cư tại mặt cống ấp Xã Lới của ông N. Ngược lại, ông N nhận 1000m^2 đất ruộng 02 vụ của ông S.

[2.2.6] Sau khi hoán đổi đất, ông S san lấp mặt bằng để kinh doanh vật liệu xây dựng và chăn nuôi heo. Do điểm bán vật liệu của ông S nằm trong hành lang cống Sư Kỷ, không được các ngành chức năng cho phép, năm 1995 ông S di dời điểm bán về đất gốc cách đó 200m. Phần đất nhận hoán đổi ông S xây chuồn chăn nuôi heo, trồng cây ăn trái cho đến khi bị thu hồi.

[2.2.7] Khi nhận đất hoán đổi, ông S có chấp nhận để lại cho bà S1(mẹ của ông N) 01 nền nhà, diện tích 42m^2.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi nhận tiền đền bù ông S cũng đã giao lại cho ông N theo biên bản đề ngày 19/3/2012 của bộ phận Tư pháp xã T, được ông N ký và ghi: đã nhận đủ số tiền 34.398.000đ là không chính xác vì ngày 16/9/2016 ông S mới nhận số tiền bồi thường là 834.224.500 đồng trong đó đất ở 42 m^2 được tính là 86.310.000 đồng.

[2.3.1] Năm 2012, ông N đã tranh chấp đất với ông S và đã được UBND xã T hòa giải. Tại biên bản hòa giải ngày 22/8/2014 (Bút lục 219) thì ông N

trình bày: Phần 10 sào đất hoán đổi tại Cống Sư Kỷ, ông không nhận ruộng mà đã quy ra thành tiền để nhận cát đá làm nhà. Riêng phần 20 sào mà ông S nói đã hoán đổi là không có, ông bỏ tiền ra mua và ông S đứng ra mua dùm. Ông S trình bày ông mua 20 sào ruộng để hoán đổi cho ông N thay vào đó sẽ nhận toàn bộ phần đất tại cống Sư Kỷ (Theo giấy tờ là 10 sào), đo đạc thực tế dư 17,1 m^2, ông S sẽ quy ra tiền trả cho ông N. Các bên hòa giải và thống nhất là ông S nhận đủ 10 sào, phần diện tích dư 17,1 m^2, ông S quy ra tiền và giao cho ông N (giá tính trên 1 m^2 áp dụng theo giá bồi thường tuyến đường tỉnh 871B giai đoạn 1), sau này khi đo đạc giải thửa phần diện tích dư bao nhiêu thì ông N nhận đủ bấy nhiêu.

[2.3.2] Ông N nộp đơn tranh chấp với ông S tại Tòa án nhân thị xã G, tỉnh Tiền Giang và Tòa án nhân thị xã G, tỉnh Tiền Giang có phiếu hướng dẫn đơn ngày 15/10/2015 yêu cầu ông N phải làm rõ các nội dung (Bút lục 216). Tại phiếu hướng dẫn đơn của Tòa án nhân dân thị xã G ngày 15/10/2015 (Bút lục 216) thì ông N có đơn kiện ghi ngày 15/10/2015 có nội dung đồng ý giao cho ông S 10 sào đất ruộng với diện tích thực tế còn lại là 750 m^2 do đã thu hồi giải tỏa Quốc lộ 50 là 250 m^2, thửa đất tọa lạc ấp C, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Khi đo trả cho ông S 750m^2, còn lại bao nhiêu thì trả cho ông N, thửa đất chưa có số thửa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3.3] Ông S có nộp đơn kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông N, Tòa án nhân thị xã G, tỉnh Tiền Giang thụ lý số 20/2016/TLST-DS ngày 23/02/2016. Sau đó ngày 23/3/2016, ông S có đơn rút lại đơn kiện nên Tòa án nhân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 27/2016/QĐST- DS ngày 23/3/2016.

[2.3.4] Biên bản xác minh ngày 08/6/2017 tại nhà bà Nguyễn Thị N2(Bút lục 237) thì bà Nguyễn Thị N2 cho biết vợ chồng ông N đã chuyển cho ông Nguyễn Đức H1 với diện tích 1260 m2 và ông Nguyễn Văn C1 với diện tích 1260 m2. Phần đất này bà được biết là của ông Trần Công S có mua lại của ông Bùi Văn C2 nhưng thấy ông Lê Văn N canh tác, sử dụng nên hỏi và biết là ông Sơn, ông N đã hoán đổi đất cho nhau.

[2.3.5] Biên bản xác minh ngày 08/6/2017 tại nhà ông Trần Công S (Bút lục 236) thì ông S cho rằng phần đất hoán đổi với ông N là ông Smua lại của ông Bùi Văn C2 diện tích 20 sào. Sau khi hoán đổi thì ông N chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N3, sau đó ông N3 chuyển nhượng cho ai thì không biết. Vị trí

đất 20 sào tọa lạc ấp Xã Lợi, xã T. Việc hoán đổi 10 sào được chứng minh bằng giấy tờ rõ ràng, riêng 10 sào sau thì ông S mua và đưa cho ông N canh tác (chỉ hoán đổi miệng chứ không có giấy tờ).

[2.3.6] Biên bản xác minh ngày 13/12/2016 (Bút lục 234) thì ông C1 và ông H1 cho biết mua lại phần đất của ông N. Ông C1 có diện tích 1260 m^2 đất lúa thuộc thửa số 2026, 2027 tờ bản đồ số 02 thuộc ấp xã Lợi, xã T và ông H1 mua lại của ông N diện tích 1260 m^2, nhận chuyển nhượng năm 2011, đang canh tác sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N có xuất trình Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động và kết quả đầu tư ruộng đất canh tác ngày 08/3/1993, theo đó thì ông Bùi Văn C2chuyển nhượng cho Ông Lê Văn N 0,2290 ha Ấp Xã Lợi, xã T, huyện G có phê duyệt của UBND huyện G ngày 24/8/1993.(Có ý kiến của UBND xã ngày 05/6/1993, Phòng Nông ngư nghiệp ngày 04/8/1993, Chi Cục thuế huyện G ngày 21/8/1993).

[2.4.1] Quyết định 2709/QĐ-UBND ngày 10/1/2008 (Bút lục 243) thì thu hồi của ông S 150,8 m^2 đất vườn, thuộc thửa số 925, tờ bản đồ số 03, tại ấp Xã Lới, xã T, thị xã G để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50 đoạn G - thành phố Mỹ Tho (thị xã G).

[2.4.2] Quyết định 2710/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 (Bút lục 242) thì thu hồi của ông S 98,2 m^2 đất vườn, thuộc thửa số 928, tờ bản đồ số 03, tại ấp Xã Lới, xã T, thị xã G để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50 đoạn G - thành phố Mỹ Tho (thị xã G).

Văn bản số 52/UBND ngày 12/4/2017 về việc không nhận đơn khiếu nại của ông N, có ý kiến phần đất tranh chấp của ông N với ông S, tọa lạc tại ấp xã Lới, xã T, thị xã G, phần đất đã được giải tỏa đền bù thuộc ấp xã Lới, xã T (khu vực cống Sư Kỷ) để mở rộng đường tỉnh lộ 871 B. Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông S thì UBNS xã T không có nhận được thư khiếu nại của ông N(Bút lục 235).

[2.4.3] Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh Tiền Giang thì ông S được bồi thường thêm thửa đất số 149, diện tích 98,2 m^2 đã bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Quốc lộ 50. (Bút lục 194-195) .

[2.4.4] Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2016 thì ông N có trình bày gia đình đang sử dụng đất ấp C, xã T, thị xã G, có Quyết định thu hồi đất số 109/QĐ-

UBND ngày 09/3/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 871B. Hộ gia đình đã chấp hành xong quyết định của UBND thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Ngày 12/9/2016 ông nhận được Thông báo số 511/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Việc tranh chấp giữa ông N và ông S kéo dài từ năm 2012 và đến nay chưa giải quyết xong. UBND thị xã G lại ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông Svà thông báo số 511/TB-UBND ngày 12/9/2016 không thụ lý giải quyết khiếu nại đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông Nlà không đúng vì UBND xã T đã mời ông S và ông N giải quyết, kết quả thể hiện là hòa giải thành.

[2.4.5] Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang thu hồi 591,7 m2 đất gồm 42 m2 đất ở nông thôn và 549,7 m2 đất trồng cây lâu năm khác của ông Trần Công S và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Công S là đúng quy định pháp luật. Do đó, vấn đề tranh chấp của ông N và ông S liên quan đến số tiền bồi thường ông S đã nhận sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi ông N có yêu cầu.

[2.5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 74, 75 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận khởi kiện của Ông Lê Văn N về việc yêu cầu hủy Quyết định 112/ QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và Quyết định 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã G tỉnh Tiền Giang.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn N phải nộp số tiền 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng ông Nđã nộp theo biên lai thu số 001678 ngày 29/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Ông Lê Văn N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn N phải nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N đã nộp theo biên lai thu số 002040 ngày 10/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Ông Lê Văn N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự (3);
- Lưu HS (3) 11b(PTHH)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương